

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 544/2023/HNGĐ-TLST ngày 29/11/2023, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2024/QĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T** sinh năm 1986;

Địa chỉ: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Hiện đang lao động tại: Đài Loan.

Người được chị T1 quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị C năm 1990;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn Đ** sinh năm 1986;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Hiện đang lao động tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đỗ Văn M**, sinh năm 1966 và bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1964.
Đều có địa chỉ: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương
(Chị *Tanh Đ1 Hồng M* đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đỗ Văn Đ** tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 06/11/2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Để phát triển kinh tế, đầu năm 2012 chị sang Đài Loan lao động, đến năm 2016 anh **Đ2** sang Đài Loan lao động nhưng mỗi người ở một nơi. Vợ chồng thỉnh thoảng có gặp nhau và động viên, quan tâm chia sẻ, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, anh **Đ3** tu trí làm ăn dẫn đến kinh tế bị sa sút, vợ chồng không còn quan tâm gặp gỡ nhau thường xuyên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đỗ Văn Đ**

Về quan hệ con chung: Chị và anh **Đ4** 1 con chung là cháu **Đỗ Hải A**, sinh ngày 15/7/2010. Trong thời gian chị và anh **Đ** ở nước ngoài, cháu **Hải A** được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và tiếp tục ủy quyền cho bố mẹ chồng chăm sóc cháu **H1 A** Trường hợp cháu **Hải A1** nguyện vọng được ở với bố, anh **Đ4** nguyện vọng được nuôi con chị cũng đồng ý. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh **Đỗ Văn Đ5** nay đang lao động tại Đài Loan, do chị **T** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **Đ** nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh **Đ6** gia đình. Ông **Đỗ Văn M1** bà **Đặng Thị H** là bố mẹ đẻ anh **Đ** xác định, anh **Đ7** Đài Loan lao động khoảng từ năm 2016, từ khi đi anh **Đ** về Việt N 2 lần. Địa chỉ của anh **Đ** ở nước ngoài ông bà không biết, nhưng anh **Đ8** xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại. Ông **M2 H** đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh **Đ9**. Anh **Đ10** thể hiện quan điểm, ý kiến thông qua điện thoại, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân, xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên không còn tình cảm với nhau, nay chị **T** có đơn ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh xác định vợ chồng có một con chung là **Đỗ Hải A2** đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng tiền nuôi con chị **T2** ra là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị **T3** có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện anh

chưa về được Việt Nam, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A và nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Đ. Hiện tại cháu Hải A đang được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Đỗ Hải A là con chung của chị T4 Đ có quan điểm ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian bố ở nước ngoài cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội.

Do điều kiện chị T không về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên ủy quyền cho chị Vũ Thị C1 nhận văn bản tố tụng. Chị C2 quan điểm đồng ý và đã thông tin cho chị T biết. Tại thời điểm xét xử, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, nuôi con, tài sản chung như đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao con chung Đỗ Hải A3 ngày 15/7/2010 cho anh Đỗ Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đ ở Việt Nam, tạm giao cháu Hải A cho ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T5 dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ 11 2.000.000 đồng; về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T và anh Đỗ Văn Đ đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh Đ 12 T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Tài liệu chi Tâm giao tại Tòa án gồm: Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, Đơn đề nghị, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Bản tự khai, Giấy ủy quyền đều có xác nhận của Văn phòng Ktại ĐDo vậy, có căn cứ xác định nội dung những văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị T6

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh Đ được biết, anh Đ8 xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H. Ông M3 H đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Thông qua gia đình anh Đ đã thể hiện quan điểm về việc ly hôn và nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho anh Đ, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do anh Đ không cung cấp địa chỉ tại Đài Loan nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[4] Anh Đ ủy quyền cho ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hải A trong thời gian anh không ở Việt Nam nên Tòa án xác định ông M3 H là người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Chị Thanh Đông M4 H đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[6] Về nội dung:

[7] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào Thị T và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 06/11/2009, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định mâu thuẫn của anh Đchị T7 sinh từ năm 2020, nguyên nhân là anh chị sang Đài Loan lao động, mỗi người sống ở một nơi nên vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, dẫn đến bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, lối sống sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ10 thể hiện quan điểm xác định không còn tình cảm với chị T, chị T8 đơn ly hôn, anh đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ10 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T6

[8] *Về quan hệ con chung*: Sau khi ly hôn, anh Đ4 nguyện vọng được nuôi con là Đỗ Hải A3 ngày 15/7/2010, chị T9 đồng ý. Xét thấy chị T10 anh Đ13 đang ở nước ngoài nên điều kiện nuôi con là ngang nhau, tuy nhiên cháu Hải A4 cùng ông bà nội từ nhỏ, cháu được học tập và phát triển tốt, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Do vậy có căn cứ tiếp tục giao cháu Hải A5 anh Đ14 sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao cháu Hải A cho ông M4 Hchăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T5 dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ11 2.000.000đồng/tháng.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đào Thị T và anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Chị Đào Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Đỗ Hải A3 ngày 15/7/2010 cho anh Đỗ Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 A tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T5 dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ11 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ3 ở Việt Nam, tạm giao cháu Hải A5 ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H2 sóc, nuôi dưỡng.

Chị Đào Thị T11 quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Đ4 đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T3 thi hành khoản tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật

dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000335 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T12 nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T13 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị T14 anh Đỗ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Văn M1 bà Đặng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, Tp. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu